

UBND THỊ XÃ SON TÂY, LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHKT VN VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI HỘI ĐỊA LÝ VIỆT NAM ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA HỌC ĐỊA LÝ VIỆT NAM
VỚI SỬ DỤNG HỢP LÝ, PHỤC HỒI TÀI NGUYÊN
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN

**“Vietnam's geographic science with proper use, natural resources’
restoration and development of circular economy”**

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XIII

Proceedings of the 13th national conference on geography science

QUYỂN 1

HÀ NỘI - 2022

MỤC LỤC

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TAI BIẾN THIÊN NHIÊN

1.	BIẾN ĐỘNG HÌNH THÁI ĐỊA HÌNH KHU VỰC BỜ BIỂN BẮC CỬA ĐẠI TRÊN QUAN ĐIỂM ĐỊA LÝ TỔNG HỢP	1
	Tống Phúc Tuấn, Lê Đức Hạnh¹, Vũ Hải Đăng, Nguyễn Thị Hải Yến¹, Hoàng Thanh Sơn¹	
2.	TĂNG CƯỜNG THÍCH ỨNG VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NGƯỜI DÂN NGHÈO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.....	11
	Võ Thị Thuý Kiều	
3.	ĐÁNH GIÁ DAO ĐỘNG MỨC NƯỚC BIỂN DÁNG DO BÃO VÙNG VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	18
	Đào Thị Thảo, Đào Đình Chăm¹, Hoàng Thái Bình¹	
4.	CÁC NHÁN TỔ THÁNH TẠO CẢNH QUAN TỈNH CAO BẰNG	26
	Hoàng Quốc Dũng, Đỗ Văn Thanh	
5.	BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 1981-2020.....	33
	Nguyễn Thị Thu Hiền, Hoàng Thị Hiền	
6.	HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC	41
	Lê Mỹ Dung, Nguyễn Thị Thanh Hương	
7.	ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI CHO PHÁT TRIỂN CÂY VỆT DÙ (<i>BRUGUIERA GYMNORHIZA (L.) LAM</i>) TẠI VÙNG VEN BIỂN TỈNH NGHỆ AN.....	49
	Vũ Văn Lương, Trần Đình Du¹	
8.	ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BÃO ĐẾN HẠ TẦNG VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH THÁNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA.....	59
	Lê Kim Dung	
9.	NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG LÃNH THỔ LƯU VỰC SÔNG BA, SÔNG KÔN CHO LIÊN KẾT VÙNG TRONG SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP	68
	Nguyễn Hữu Xuân, Phan Thái Lê	
10.	THIÊN TAI VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP THÍCH ỨNG VỚI THIÊN TAI Ở VÙNG TÂY BẮC.....	81
	Đỗ Thị Mùi	
11.	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG NGÀNH TRỒNG TRỌT Ở HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN.....	91
	Nguyễn Đăng Độ, Nguyễn Thị Kim Dung	
12.	KẾT QUẢ GHI NHẬN CÁC LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LAI XÂM HẠI TẠI VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ.....	100
	Vũ Anh Tài, Ngô Thị Bích Hồng¹, Trần Thị Thuý Vân¹, Lê Thị Kim Thoa¹	

13.	NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẺ ĐẸP TỰ NHIÊN CỦA ĐỒI CÁT BAY MŨI NÉ, TỈNH BÌNH THUẬN.....	108
	Lê Văn Thăng, Nguyễn Đình Huy, Trần Ngọc Tuấn¹, Quang Cảnh², Lê Thị Phương Vy¹	
14.	MÔ TẢ CÁC SINH CẢNH CÓ KHẢ NĂNG CUNG CẤP THỨC ĂN CHO ĐÁN GIA SÚC (TRÂU, BÒ) Ở TỈNH GIA LAI.....	116
	Vũ Anh Tài, Ngô Thị Bích Hồng¹, Trần Thị Thúy Vân¹	
15.	ĐÁNH GIÁ THÍCH HỢP ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HUYỆN BÌNH LIÊU, TỈNH QUẢNG NINH.....	125
	Nguyễn Mạnh Hà, Chu Trọng Hiệp	
16.	NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CHO PHÁT TRIỂN CÂY KEO TẠI TƯỢNG Ở HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG.....	132
	Đặng Thị Huệ, Nguyễn Thị Hằng	
17.	SỰ BIẾN ĐỔI CỦA TẦN SUẤT NẮNG NÓNG KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 1980-2018.....	138
	Phạm Thị Lý, Phan Văn Tân	
18.	MỘT SỐ QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN TRONG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN..	146
	Lê Thị Nguyệt, Nguyễn Phương Loan, Phan Thị Tú Uyên, Đàm Thị Phương Thảo	
19.	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NGÀNH TRỒNG TRỌT Ở HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP.....	152
	Lê Thị Hồng Dung, Nguyễn Hoàng Sơn, Lê Phúc Chi Lăng, Huỳnh Thị Diễm Hằng³	
20.	CÂY LÂU NĂM Ở LƯU VỰC SÔNG KÔN, TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	163
	Phan Thị Lệ Thủy, Hà Văn Hành, Nguyễn Thị Huyền¹, Nguyễn Minh Nguyệt	
21.	ỨNG DỤNG MÔ HÌNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO THÁNH LẬP BẢN ĐỒ NGUY CƠ TRƯỢT LỞ ĐẤT KHU VỰC HỒ THỦY ĐIỆN SƠN LA.....	172
	Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Thanh Hoàn¹	
22.	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	180
	Nguyễn Hoàng Sơn, Lê Văn Tin, Lê Phúc Chi Lăng², Nguyễn Đắc Hùng, Huỳnh Thị Diễm Hằng², Bùi Thị Tuyền	
23.	KHẢ NĂNG VÁ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢM THIỂU HIỆU ỨNG ĐẢO NHIỆT ĐỘ THỊ TẠI THÁNH PHỐ HUẾ: VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG HỒ Ở THÁNH NỘI.....	191
	Lê Phúc Chi Lăng, Đoàn Thị Phương Nhung	
QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN		
24.	ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ VỊ THẾ CỦA VÙNG CỬA SÔNG BẠCH ĐẰNG THEO DÒNG LỊCH SỬ.....	199
	Trần Đức Thạnh, Trần Tân Văn², Đỗ Thị Yến Ngọc, Đặng Hoài Nhơn¹, Bùi Văn Vượng¹, Nguyễn Thanh Sơn	

25.	HIỆN TRẠNG THÂM THỰC VẬT HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA.....	213
	Lê Hà Thanh	
26.	ÁP DỤNG THỬ NGHIỆM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG DO KHAI THÁC CÁT VÙNG BỜ BIỂN HẢI PHÒNG.....	221
	Đỗ Gia Khánh, Đỗ Thị Thu Hương, Nguyễn Văn Thảo², Trần Đình Lân²	
27.	ÁP DỤNG CƠ SỞ HẠ TẦNG XANH PHỤC VỤ THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ BÈN VŨNG Ở KHU VỰC THÁNH NỘI, HUẾ.....	233
	Lê Phúc Chi Lăng, Nguyễn Hoàng Sơn, Trần Ngọc Bảy	
28.	THỰC TRẠNG PHÁT SINH VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI PHƯỜNG QUẢNG THÁNH - THÁNH PHỐ THANH HÓA TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2016 – 2021	242
	Nguyễn Thị Thanh Hằng	
29.	ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH PHÚ YÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	249
	Nguyễn Thị Ngân	
30.	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN HUYỆN ĐĂM DƠI, TỈNH CÀ MAU	258
	Huỳnh Hoang Khả, Lê Thành Nghè¹	
31.	NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH QUẢN LÝ ĐIỂM ĐẾN TRÊN ĐẢO QUAN LẠN, HUYỆN VÂN ĐỒN TỈNH QUẢNG NINH.....	266
	Nguyễn Thu Nhung, Phạm Hoàng Hải¹, Hoàng Bắc¹, Lê Thị Thu Hòa², Điêu Thị Vân Anh², Tống Thanh Bình², Nguyễn Thị Lý³, Phạm Thanh Hoan⁴	
32.	NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỘNG HỆ SINH THÁI NHÂN SINH KHU VỰC VƯỜN QUỐC GIA PÙ MÁT.....	272
	Nguyễn Văn Hồng, Vương Hồng Nhật, Lại Vĩnh Cẩm, Trần Thị Nhung, Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Thị Thu Hiền	
33.	ĐÁNH GIÁ THÍCH NGHI SINH THÁI CẢNH QUAN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM NGHIỆP TỈNH CÁ MAU.....	281
	Trần Hoàng Khiếm, Phan Hoàng Linh, Nguyễn Quyết Chiến	
34.	HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC KHU VỰC KHAI THÁC MỎ NÚI PHÁO Ở HUYỆN ĐẠI TỪ - TỈNH THÁI NGUYÊN.....	290
	Phạm Hương Giang, Phạm Thị Thuýết	
35.	SỬ DỤNG KHÔN KHÉO VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC VEN BIỂN VÀ ĐẢO VIỆT NAM: BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC.....	298
	Nguyễn Thị Hà Thành	
36.	HOẠT ĐỘNG SINH KẾ VÀ CÁC ÁP LỰC, THÁCH THỨC ĐẾN BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC VÙNG ĐỆM TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÁN THỦY, KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN THẠNH PHÚ VÀ VÙNG LÂN CẬN.....	307
	Hà Thị Thu Huệ, Hoàng Văn Thắng¹, Lường Quốc Hải	

37.	HỌC MÁY ỨNG DỤNG TRONG PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA HẠ TẦNG XANH VÀ MỞ RỘNG ĐÔ THỊ SAU THỜI KỲ “ĐỔI MỚI” TẠI THÁNH PHỐ HÁ NỘI.....	318
	Đặng Đỗ Lâm Phương, Nguyễn Thu Hà¹, Nguyễn Mạnh Cường¹, Đỗ Thị Nhung¹, Vũ Kim Chi, Phạm Văn Mạnh¹	
ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH		
38.	ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO HUYỆN ĐẢO LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI BẰNG BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	327
	Phan Thị Thanh Hằng, Nguyễn Hằng Anh, Phạm Việt Hải, Đào Nguyên Khôi³	
39.	XÁC ĐỊNH CÁC CỰC TĂNG TRƯỞNG Ở VIỆT NAM.....	338
	Lê Văn Trường	
40.	BÁN VỀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỰ NHIÊN MỀM RỜI KHU VỰC THỪA THIÊN HUẾ.....	346
	Châu Mạnh Quỳnh, Nguyễn Thị Thu Hiền, Dương Thái¹, Đỗ Quang Thiên^{1*}	
41.	HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA NGHỀ LÀM CỐM TẠI LÀNG MỄ TRÌ, THÀNH PHỐ HÁ NỘI.....	356
	Lê Thị Hạnh Liên, Nguyễn Thị Hải Yến¹, Đào Thị Lưu¹, Phí Thị Thu Hoàng¹, Lê Văn Hương¹, Nguyễn Văn Hữu¹	
42.	CÁC DI SẢN VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA SƠN TÂY – XỨ ĐOÀI VÀ VẤN ĐỀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI SẢN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	363
	Nguyễn Hải Anh	
43.	BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VĂN HÓA VÀ SINH THÁI THỊ XÃ SƠN TÂY DƯỚI GÓC NHÌN ĐỊA LÝ.....	368
	Nguyễn Ngọc Khánh	
44.	TIỀM NĂNG VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ XÃ SƠN TÂY.....	383
	Phùng Huy Vinh	
45.	BIẾN ĐỘNG PHÂN BỐ DÂN CƯ Ở HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÁNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA.....	388
	Lã Thúy Hương	
46.	ĐÔ THỊ HÓA Ở THÁNH PHỐ BẮC NINH.....	397
	Ngô Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Hòa	
47.	ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM CẦN CÓ THÊM NHÃN QUAN CỦA NHÁ ĐỊA LÝ 405.....	405
	Ngô Thúy Quỳnh	
48.	PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY MẮC CA TẠI MỘT SỐ HUYỆN MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NAM.....	414
	Phan Văn Phú, Mai Thị Lệ Huyền	
49.	HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH ĐIỆN BIÊN VÀ LÀO CAI NĂM 2015.....	422
	Nguyễn Thanh Tuấn	

50.	SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU DÂN SỐ Ở THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI.....	439
	Nguyễn Thị Dung, Vũ Thị Minh Thu¹	
51.	THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở VÙNG TÂY BẮC.....	448
	Đinh Trọng Thu	
52.	TÍNH HẤP DẪN VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH Ở CÁC ĐIỂM DU LỊCH TÂM LINH - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI.....	459
	Đỗ Thị Việt Hương, Bùi Thị Thu^{*1}, Trần Ánh Hằng¹, Trương Đình Trọng¹, Nguyễn Thị Thanh Huyền	
53.	PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU HOA LƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP	468
	Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài	
54.	KHAI THÁC DI SẢN ĐỊA CHẤT CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHU VỰC HỒ THỦY ĐIỆN HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH.....	477
	Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng	
55.	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ NÔNG HỘ HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	485
	Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Minh Nguyệt, Phan Thị Lệ Thủy¹, Nguyễn Thị Bích Phượng	
56.	PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ MỘC MINH ĐỨC, XÃ THANH UYÊN, HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ.....	493
	Nguyễn Ngọc Ánh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh¹, Lương Minh Phùng¹	
57.	LOCAL EXPERIENCES OF ECONOMIC IMPACTS OF A GOLF-COURSE PROJECT IN A PERI-URBAN VILLAGE IN VIETNAM.....	503
	Pham Thi Ngoc Quynh	
58.	ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ SINH THÁI TẠI XÃ THƯỢNG LỘ, HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	512
	Nguyễn Ngọc Đan, Nguyễn Hoàng Sơn, Lê Văn Tin¹, Mai Văn Chân¹, Nguyễn Thị Minh Hương¹, Trần Văn Phẩm¹	
59.	ĐÁNH GIÁ NHẬN THỨC VÀ KHẢ NĂNG ỨNG PHÓ SINH KẾ NÔNG HỘ DO THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG TẠI CẦN GIỜ.....	524
	Lê Thanh Hòa, Phan Thanh Định¹, Nguyễn Thị Phượng Châu¹, Nguyễn Thị Thu Thủy¹, Nguyễn Thị Thu Hiền¹, Nguyễn Thị Oanh¹.	
60.	CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP: TIẾP CẬN TỪ LÍ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN Ở MỘT SỐ THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM	533
	Vũ Thị Bắc	
61.	SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF SEA ECONOMY IN VIETNAM.....	542
	Nguyen Thanh Tuong, Nguyen Thi Thu Hien¹, Nguyen Phu Thang¹	
62.	THỨC ĐẨY XÃ HỘI HÓA THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.....	562
	Nguyễn Song Tùng	

63.	ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐẾN ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI.....	570
	Trần Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Phượng Châu¹, Lê Thanh Hòa¹	
64.	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK.....	577
	Dương Thị Thủy, Phạm Quang Tuấn¹, Trương Quang Hải, Nguyễn Thị Nhận	
65.	NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC SỐNG DÂN CƯ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN DƯỚI GÓC ĐỘ ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI.....	589
	Nguyễn Thanh Mai, Nguyễn Phương Liên¹, Phạm Hương Giang¹, Vũ Văn Anh¹, Thân Thị Huyền	
66.	TỔNG QUAN VỀ DỊCH VỤ VÀ LƯỢNG GIÁ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN: MỘT CÁCH TIẾP CẬN ĐỊNH LƯỢNG.....	598
	Nguyễn Thị Lan Phương, Trần Văn Trường	
67.	CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN CỦA TỈNH SƠN LA.....	608
	Trần Thị Thanh Hà, Dương Văn Mạnh¹	
68.	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHAI THÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI.....	619
	Nguyễn Minh Nguyệt, Tạ Thị Hiệp	
69.	TỔNG QUAN ĐỊNH LƯỢNG NGHIÊN CỨU LƯỢNG GIÁ KINH TẾ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI CẢNH QUAN RẠN SAN HỒ.....	626
	Phạm Viết Thành, Nguyễn Thị Thúy Hiền¹, Nguyễn Tuấn Anh¹, Trần Văn Trường¹	
70.	PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI HUYỆN ĐẢO PHÚ QUÝ, TỈNH BÌNH THUẬN: HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO ĐẾN NĂM 2030.....	635
	Trần Thị Hồng Nhung	
71.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC DU LỊCH XANH CHO SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH Ở ĐẠI HỌC HUẾ....	644
	Cao Thị Hoa, Nguyễn Hoàng Sơn, Mai Văn Chân¹	
72.	XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH TẠI KHU DU LỊCH BÀ RÁ - THÁC MƠ, TỈNH BÌNH PHƯỚC.....	650
	Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Nguyễn Thị Thùy Dung¹	
73.	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC DU LỊCH XANH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÓ ĐÀO TẠO VỀ DU LỊCH.....	658
	Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Trọng Quân, Phan Anh Hằng	
74.	ĐÁNH GIÁ TÁI NGUYÊN DU LỊCH Ở TỈNH PHÚ YÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	667
	Trần Quốc Nhuận	
75.	ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH ĐỐI VỚI DU LỊCH NÔNG THÔN Ở XÃ THỔ SƠN, HUYỆN HỒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG.....	673
	Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Văn Đà¹, Phan Việt Đưa	

76.	PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN.....	682
	Lộc Trọng Cầu, Nguyễn Thị Hoài¹	
77.	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THU HÚT DU KHÁCH NỘI ĐỊA CỦA ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH CÀ MAU	690
	Phạm Hồng Mơ	
78.	TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH LONG AN.....	699
	Lã Thúy Hương	
79.	HIỆN TRẠNG SINH KẾ VÁ DU LỊCH CỦA XÃ MỸ HÒA HƯNG, THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG 708	
	Tô Minh Châu'	
80.	NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TẠI VĨNH LONG	714
	Dương Thanh Xuân, Lê Văn Hiệu, Lê Kha Vĩ Thái²	
81.	ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRẢI NGHIỆM GẮN VỚI VƯỜN CÂY ĂN TRÁI - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH ĐỒNG THÁP.....	724
	Hoàng Thị Việt Hà	
82.	PHÁT TRIỂN DU LỊCH HOMESTAY VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÁ BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC Ở HUYỆN LÂM BÌNH TUYẾN QUANG	731
	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	
83.	NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA: TRƯỜNG HỢP Ở LÀNG CỔ LONG TUYẾN, THÁNH PHỐ CẦN THƠ	738
	Huỳnh Văn Đà, Nguyễn Mai Quốc Việt¹	
84.	NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI THÁNH PHỐ CẦN THƠ	746
	Nguyễn Mai Quốc Việt, Phan Hoàng Linh¹, Huỳnh Văn Đà¹	
85.	ẢNH HƯỞNG CỦA QUI HOẠCH ĐÔ THỊ ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÁ SINH KẾ NGƯỜI DÂN TẠI KHU DU LỊCH THÁC GIANG ĐIỀN, TỈNH ĐỒNG NAI.....	756
	Trần Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Phượng Châu¹, Lê Thanh Hòa¹	
86.	ĐÁNH GIÁ VÁ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH CHÍNH TẠI PHÚ THỌ.....	765
	Đặng Thị Huệ	
87.	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHAI THÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI.....	775
	Nguyễn Minh Nguyệt, Tạ Thị Hiệp	
88.	PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở VIỆT NAM.....	782
	Ngô Thị Thu Trang	

CÔNG NGHỆ ĐỊA LÝ

89.	SỬ DỤNG MÁY BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI (UAV) CHỤP ẢNH PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU SINH THÁI (LẤY VÍ DỤ TẠI TRẠM ĐA DẠNG SINH HỌC MÊ LINH, VĨNH PHÚC).....	791
	Hà Quý Quỳnh², Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Hoàn, Nguyễn Văn Dũng³	

90.	ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH KHU NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở TỈNH GIA LAI	801
	Phạm Viết Hồng	
91.	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA COVID – 19 ĐẾN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ THÁNH PHỐ HÀ NỘI BẰNG CÔNG NGHỆ VIỄN THÁM VÀ GIS.....	810
	Dương Thị Lợi, Hoàng Thị Vân¹	
92.	ỨNG DỤNG PHẦN MỀM THINGLINK THIẾT KẾ HÌNH ẢNH TƯƠNG TÁC VỀ CÁC MẢNG KIẾN TẠO ĐỂ DẠY HỌC ĐỊA LÍ LỚP 10	818
	Dương Quỳnh Phương, Dương Thị Ngọc Ánh	
93.	THÁNH LẬP BẢN ĐỒ CẢNH BÁO NGUY CƠ THOÁI HÓA ĐẤT TỶ LỆ 1/100.000 HAI TỈNH ĐIỆN BIÊN VÀ LAI CHÁU BẰNG CÔNG NGHỆ VIỄN THÁM VÀ GIS.....	824
	Phạm Quang Vinh, Nguyễn Thị Thu Hà, Phạm Hà Linh¹, Nguyễn Thanh Bình¹	
94.	ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG CÔNG NGHỆ TẠO HẠT KẾT TINH TÀNG SÔI RẮN LỎNG: ĐẶC TÍNH, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ TRIỂN VỌNG TẠI VIỆT NAM	836
	Lê Văn Giang, Nguyễn Gia Cường, Lưu Thế Anh¹	
95.	NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY TRÌNH Ủ PHÁN VI SINH TỪ CHẤT THẢI SAU QUÁ TRÌNH NUÔI TẮM QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH	849
	Lâm Vĩnh Sơn, Nguyễn Vũ Phong¹, Tạ Trung Kiên¹, Lê Thanh Hòa	
96.	ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỘNG ĐƯỜNG BỜ BIỂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH TRÊN CƠ SỞ SỬ DỤNG NỀN TẢNG ĐIỆN TOÁN ĐÁM MÂY GEE.....	857
	Đào Đình Châm, Nguyễn Thanh Bình^{1*}, Nguyễn Ngọc Thắng¹	
97.	ỨNG DỤNG VIỄN THÁM VÀ NỀN TẢNG GOOGLE EARTH ENGINE THÁNH LẬP BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÀ ĐÁNH GIÁ THIỆT HẠI CHO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.....	868
	Nguyễn Thái Sơn, Phạm Việt Hùng, Nguyễn Quang Thành¹	
98.	ĐỀ XUẤT KHUNG DỮ LIỆU ĐỊA CHÍNH BIỂN Ở VIỆT NAM	878
	Bùi Thị Thủy, Hoàng Trường¹, Nguyễn Thục Anh¹	
99.	ỨNG DỤNG CÁC CHỈ SỐ ĐỊA MẠO TRONG THÁNH LẬP BẢN ĐỒ NHẠY CẢM TRƯỢT LỞ ĐẤT: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH.....	886
	Nguyễn Lệnh Tú Anh, Ngô Văn Liêm, Nguyễn Hiệu², Nguyễn Việt Tiến¹, Đỗ Trung Hiếu²	
100.	ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CẢNH QUAN DỰA TRÊN PHÁN TÍCH ĐA CHỈ TIÊU PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI HUYỆN MỘC CHÁU, TỈNH SƠN LA	896
	Phạm Anh Tuấn, Đặng Thị Hương Giang	
101.	KHUNG TIẾP CẬN ĐA NGÀNH TRONG NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU, PHỤC HỒI CỦA CÁC HỆ SINH THÁI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.....	905
	Gobin A., Lê Thị Thu Hiền	

GIẢNG DẠY ĐỊA LÝ

102. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC, TUYÊN TRUYỀN TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO, QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM TẠI BIỂN ĐÔNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ...913
Nguyễn Hoàng Sơn, Phan Hữu Thịnh, Nguyễn Hoàng Tuấn, Lê Việt
103. GIÁO DỤC DU LỊCH XANH TRONG MÔN ĐỊA LÝ PHỔ THÔNG922
Nguyễn Đức Vũ
104. TĂNG CƯỜNG TRẢI NGHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP932
Phùng Thái Dương
105. VẬN DỤNG GIÁO DỤC STEM TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH.....938
Phạm Thị Bình
106. GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI TRONG CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 7947
Võ Thi Vinh
107. GIÁO DỤC RÁC THẢI NHỰA CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở THÁNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÔNG QUA CÁC BÀI HỌC ĐỊA LÝ.....959
Hoàng Thị Thanh, Nguyễn Thị Hiền
108. THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG CÂU HỎI TƯ DUY BẬC CAO TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG....968
Lê Văn Nhượng, Trịnh Chí Thâm¹
109. DẠY HỌC THÔNG MINH MÔN ĐỊA LÝ LỚP 11: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN ĐẠI NGHĨA, THÁNH PHỐ CẦN THƠ976
Trịnh Chí Thâm, Thái Ngọc Minh Thư¹
110. DẠY HỌC ĐỊA LÝ ĐỊA PHƯƠNG VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM.....987
Nguyễn Thị Thanh Vân
111. XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG1000
Ngô Thị Hải Yến
112. SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC.....1005
Đỗ Văn Hào, Nghiêm Văn Long¹

TÍNH HẤP DẪN VÀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH Ở CÁC ĐIỂM DU LỊCH TÂM LINH - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Đỗ Thị Việt Hương¹, Bùi Thị Thu^{*1}, Trần Ánh Hằng¹,
Trương Đình Trọng¹, Nguyễn Thị Thanh Huyền²

Abstract

ATTRACTIVENESS AND SATISFACTION AT SPIRITUAL TOURIST SITES - A CASE STUDY IN PLEIKU CITY, GIA LAI PROVINCE

*Spiritual tourism is a type of tourism that can develop in potential destinations such as Pleiku city. The study was conducted to determine the attractiveness of spiritual tourist destinations based on factor analysis and analyze the influence of beauty on visitor satisfaction based on the linear regression model at some spiritual tourist spots in Pleiku city, Gia Lai province. From the survey data analysis of 121 visitors at seven destinations capable of developing spiritual tourism by using a structured questionnaire, through factor analysis of 22 input variables belonging to 5 factors reflecting the attractiveness of the spiritual tourist destinations, three elements reflecting attractiveness have been extracted: Characteristics of nature, culture, history, and environment (X_1), characteristics of tourism services (X_2) and management of tourism activities and environmental sanitation (X_3). Furthermore, the relationship equation between factors reflecting the attractiveness of a spiritual tourist destination with visitor satisfaction (Y) is built based on a multivariate regression model: $Y = 0.446 * X_1 + 0.361 * X_3$. In which factor X_1 affects visitor satisfaction greater than factor X_3 . This result is an essential basis for proposing solutions for improving the development of spiritual tourism in the local area.*

Keywords: satisfaction, attractiveness, spiritual tourism, factor analysis, Pleiku.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch tâm linh (DLTL) gần đây đã trở thành xu hướng phổ biến trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phục vụ nhu cầu tham quan, chiêm bái, hành hương, tri ân, báo hiếu, thiêu, tham gia lễ hội... và ngày càng được chú trọng phát triển như một ngành kinh tế quan trọng ở địa phương 5. Tại Hội nghị quốc tế về DLTL vì sự phát triển bền vững vào tháng 11 năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Ninh Bình và Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã nhấn mạnh chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho DLTL phát triển phù hợp với xu hướng chung và vì sự phát triển bền vững 4. Sự hài lòng đối với DLTL phản ánh tính hấp dẫn của điểm đến du lịch nói chung và DLTL nói riêng, từ đó kích thích du khách quay trở lại 5. Vì vậy, việc đánh giá sự hài lòng của du khách có ý nghĩa quan trọng, giúp xây dựng kế hoạch phát triển DLTL hiệu quả ở các địa phương có thể mạnh về loại hình du lịch này.

Gia Lai là một tỉnh nằm ở Tây Nguyên, có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng - an ninh. Ngoài những loại hình đã trở thành thế mạnh đặc trưng của Gia Lai như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... thì DLTL đang ngày càng phát triển và trên đà hội nhập với xu thế du lịch mới này ở Việt Nam. Trong những năm qua, tỉnh Gia Lai nói chung và thành phố Pleiku nói riêng đã khẳng định: việc phát triển loại hình DLTL là một xu thế tất yếu. Pleiku mặc dù được biết đến là xứ sở của những

¹ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

² Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

“truyền thuyết” nhưng vẫn chưa phải là điểm đến du lịch có sự khác biệt, có sức hấp dẫn đối với du khách thập phương, chưa khai thác tốt các giá trị văn hóa tâm linh và còn thiếu sự quan tâm trong công tác truyền thông, quảng bá loại hình này 7.

Mục tiêu của bài báo hướng đến: (i) Xác định được tính hấp dẫn của điểm DLTĐ dựa trên phân tích nhân tố, (ii) phân tích được ảnh hưởng của tính hấp dẫn đến sự hài lòng của du khách dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính tại một số điểm DLTĐ của thành phố Pleiku. Kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút du khách đến các điểm DLTĐ ở thành phố Pleiku.

2. QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Tiếp cận khung lý thuyết nghiên cứu

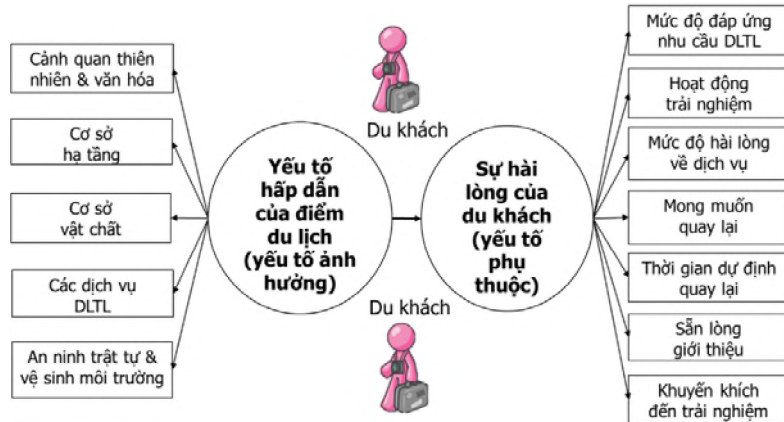
DLTĐ thực chất là loại hình du lịch văn hóa, hướng đến khai thác những yếu tố tâm linh gắn với không gian văn hóa và cảnh quan các điểm du lịch. Thông qua hoạt động du lịch góp phần mang lại cho du khách những cảm nhận, trải nghiệm và thư thái trong tâm hồn, cân bằng và củng cố đức tin, hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống 4. Đối với sản phẩm du lịch, sự hài lòng của du khách đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công của điểm đến do nó tác động đến hành vi lựa chọn sử dụng các sản phẩm du lịch và quyết định quay lại 2. Sự hài lòng đó sẽ hình thành trong suy nghĩ đầu tiên của du khách về những kỳ vọng ở điểm du lịch trước khi đi. Sau đó, du khách sẽ trực tiếp trải nghiệm, cảm nhận tại điểm đến về tính hấp dẫn và cuối cùng, sẽ so sánh những điều mà du khách kỳ vọng trước khi đi với những điều cảm nhận được sau khi trải nghiệm tại điểm đến du lịch 8. Tính hấp dẫn ở đây chính là sự cảm nhận tích cực thông qua đánh giá và cảm xúc của cá nhân đối với một điểm du lịch cụ thể về nhiều khía cạnh khác nhau 5.

Trên thế giới, có thể đo lường sự hài lòng của du khách phổ biến theo 4 mô hình: IPA (Importance - performance Analysis), SERVQUAL (Service Quality), HOLSAT (Holiday Satisfaction) và SERVPERF (Service performance). Trong đó, các yếu tố đo lường sự hài lòng của du khách được xác định trong mô hình HOLSAT đề xuất bởi Tribe J. và Snaith T. (1998) bao gồm: Tài nguyên thiên nhiên và điều kiện vật chất, môi trường, di sản và văn hóa, các dịch vụ ăn uống - tham quan - giải trí - mua sắm, lưu trú, chuyên tiễn 6.

Ở Việt Nam, đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với DLTĐ được thể hiện qua một số công trình nghiên cứu được triển khai gần đây của Nguyễn Trọng Nhân và Cao Mỹ Khánh (2014) 3; Thân Trọng Thụy và Lê Anh Tuấn (2018) 5. Tùy vào đặc thù của các điểm DLTĐ mà mỗi công trình nghiên cứu có cách lựa chọn tiêu chí đánh giá, tiếp cận mô hình đánh giá và phân tích thống kê khác nhau. Các phân tích thống kê được tiếp cận nghiên cứu bao gồm thống kê mô tả, phân tích nhân tố, phân tích khẳng định nhân tố nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách.

Trên cơ sở tham khảo các mô hình của nhiều tác giả trong và ngoài nước cùng với kết quả khảo sát thực địa và điều kiện thực tế hoạt động DLTĐ ở thành phố Pleiku, mô hình phân tích mức độ hài lòng của du khách được xác định dựa trên giả thuyết tính hấp dẫn của điểm đến du lịch (biến độc lập) sẽ tác động đến sự hài lòng của du khách (biến phụ thuộc) (Hình 1) 3, 5.

Trong đó, các yếu tố phản ánh tính hấp dẫn của điểm du lịch bao gồm: Cảnh quan thiên nhiên và văn hóa, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, các dịch vụ DLTĐ, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường. Sự hài lòng của du khách được phản ánh qua các biến: Mức độ đáp ứng nhu cầu DLTĐ, hoạt động trải nghiệm, mức độ hài lòng về dịch vụ, mong muốn quay lại, thời gian dự định quay lại, sẵn lòng giới thiệu và khuyến khích (người khác) đến trải nghiệm.



Hình 1. Mô hình tiếp cận nghiên cứu

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

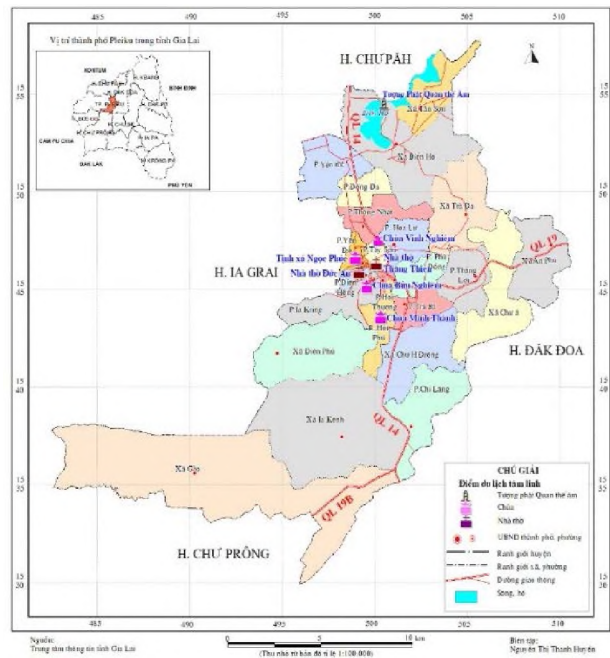
a. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ các cơ quan chức năng của tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku. Các loại tài liệu được chọn lọc, có giá trị sử dụng để tổng quan và vận dụng vào nghiên cứu.

- Dữ liệu sơ cấp thu được là kết quả khảo sát thực địa, điều tra phỏng vấn du khách. Trong đó:

+ *Lựa chọn điểm nghiên cứu:* Có 07 địa điểm có khả năng phát triển DLTTL hiện nay tại Pleiku được lựa chọn: Chùa Bửu Nghiêm, Chùa Minh Thành, Chùa Vĩnh Nghiêm, Tịnh xá Ngọc Phúc, Trượng Phật Quan Thế Âm tại khu du lịch Biển Hồ, Nhà thờ Đức An, Nhà thờ Thăng Thiên (Hình 2).

+ *Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:* Theo Hair J. F. et al. (2010), để sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong đánh giá mức độ hài lòng của du khách thì kích thước mẫu tốt khi tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1. Số biến ban đầu sử dụng trong phân tích bao gồm 22 biến nên theo lý thuyết, cỡ mẫu cần lấy là $22 \times 5 = 110$ phiếu. Để đảm bảo các phiếu thu vào không sai sót, dự phòng thêm 10% phiếu. Như vậy, cỡ mẫu điều tra là 121 phiếu. Đối với dịch vụ DLTTL, du khách thường đến và đi không theo thời gian cố định nên nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất (chọn mẫu thuận tiện).



Hình 2. Sơ đồ phân bố các điểm DLTTL ở thành phố Pleiku

+ *Cách thức và thời điểm điều tra phỏng vấn*: Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi cấu trúc đối với du khách đến tham quan điểm DLTL. Thời điểm điều tra du khách được triển khai trong năm 2020.

+ *Nội dung bảng câu hỏi*: Dựa trên mô hình tiếp cận nghiên cứu (hình 1), bảng hỏi được thiết kế tập trung vào 3 nhóm thông tin chính cần phân tích: (1) Tính hấp dẫn của điểm du lịch, (2) sự hài lòng của du khách đối với hoạt động DLTL tại các điểm du lịch và (3) các thông tin cơ bản của du khách. Trong đó, tính hấp dẫn của điểm đến DLTL được đánh giá qua 5 yếu tố (gồm 22 biến độc lập) sẽ tác động đến sự hài lòng của du khách (được thể hiện qua 7 biến phụ thuộc). Các câu hỏi được lo lường bằng thang đo Linkert theo 5 mức độ về giá trị cảm nhận đối với từng biến. Các biến lựa chọn đưa vào mô hình phân tích được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Các biến lựa chọn đưa vào mô hình phân tích

Các biến đánh giá	Mã biến	Các biến đánh giá	Mã biến
I. Độ hấp dẫn của điểm DLTL		14. Sự đa dạng của hoạt động DLTL	HD14
<i>a. Cảnh quan thiên nhiên và văn hóa</i>		15. Thái độ phục vụ tại điểm đến	HD15
1. Cảnh quan thiên nhiên	HD1	16. Sản phẩm lưu niệm	HD16
2. Kiến trúc	HD2	17. Giá cả hàng hóa/dịch vụ	HD17
3. Đặc điểm văn hóa, lịch sử	HD3	18. Thái độ của người bán hàng	HD18
4. Chất lượng môi trường không khí	HD4	19. Ẩm thực	HD19
5. Cảm giác yên bình của điểm đến (khí hậu cạnh tâm linh)	HD5	<i>e. An ninh trật tự và vệ sinh môi trường</i>	
6. Thái độ của cư dân xung quanh	HD6	20. Đảm bảo an toàn, an ninh cho du khách	HD20
<i>b. Cơ sở hạ tầng</i>		21. Quản lý hoạt động du lịch	HD21
7. Mạng lưới giao thông	HD7	22. Quản lý vệ sinh môi trường	HD22
8. Chất lượng giao thông	HD8	II. SỰ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH ĐỐI VỚI ĐIỂM DLTL	
9. Phương tiện giao thông	HD9	1. Mức độ đáp ứng nhu cầu DLTL	HL1
<i>c. Cơ sở vật chất</i>		2. Hoạt động trải nghiệm	HL2
10. Nhà vệ sinh	HD10	3. Mức độ hài lòng về dịch vụ	HL3
11. Thùng rác	HD11	4. Mong muốn quay lại	HL4
12. Bãi đỗ xe	HD12	5. Thời gian dự định quay lại	HL5
<i>d. Các dịch vụ du lịch tâm linh</i>		6. Sẵn lòng giới thiệu	HL6
13. Nguồn thông tin của điểm DLTL	HD13	7. Khuyến khích đến trải nghiệm	HL7

b. Phương pháp đánh giá và phân hạng mức độ hấp dẫn và hài lòng của du khách đối với điểm du lịch tâm linh

Mức độ hấp dẫn của điểm DLTL và mức độ hài lòng của du khách được đánh giá thông qua giá trị trung bình cộng của các yếu tố và các biến. Giá trị này được tính theo công thức (1):

$$\text{Mức hấp dẫn (Hài lòng)} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n x_i \quad (1)$$

Trong đó: x_i là điểm của biến i hoặc điểm trung bình của yếu tố i .

Thang đánh giá mức độ hấp dẫn của điểm DLTL/mức độ hài lòng của du khách được phân cấp theo 5 mức: Rất không hấp dẫn/hài lòng: 1,00 - 1,80; Không hấp dẫn lắm/Không hài lòng lắm: 1,81 - 2,60; Bình thường/Trung bình: 2,61 - 3,40; Hấp dẫn/Hài lòng: 3,41 - 4,20; Rất hấp dẫn/Hài lòng: 4,21 - 5,00.

c. Phương pháp thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu

Phần mềm thống kê SPSS 25 được sử dụng để phân tích dữ liệu sơ cấp, cụ thể như sau:

Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc điểm của khách du lịch như: Đối tượng, giới tính, nghề nghiệp, trình độ văn hóa; mục đích chuyến đi...

Phương pháp phân tích tương quan Pearson dùng để kiểm tra mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc theo thang đo hệ số tương quan: Nếu $0,9 < |r| < 1$: Tương quan rất chặt; Nếu $0,7 < |r| < 0,9$: Tương quan chặt; Nếu $0,5 < |r| < 0,7$: Tương quan tương đối chặt; Nếu $0,3 < |r| < 0,5$: Tương quan trung bình; Nếu $0,0 < |r| < 0,3$: Tương quan yếu. *Phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha* cho biết sự chặt chẽ và thống nhất trong các câu trả lời của du khách: Nếu Cronbach's Alpha của yếu tố $\geq 0,6$, giá trị hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh của từng biến $\geq 0,3$ hoặc hệ số Cronbach's Alpha của yếu tố nếu loại biến tương ứng nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha thì chấp nhận độ tin cậy.

Phép phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện nhằm xác định các nhân tố hấp dẫn của các điểm DLTL, từ đó đưa vào mô hình phân tích hồi quy tuyến tính để xác định mức độ ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách. Trong phân tích nhân tố, đầu tiên là kiểm tra mức độ thích hợp của dữ liệu dựa vào kiểm định KMO và Bartlett: Nếu thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1,0$ và trị số Sig. $< 0,05$ thì các biến quan sát có mối tương quan với nhau và kiểm định này có ý nghĩa thống kê. Phép phân tích nhân tố được thực hiện bằng thủ tục trích xuất nhân tố (*Extraction*) theo phương pháp phân tích thành phần chính (*Principle component analysis*). Trong bảng tổng phương sai (*Total variance explained*), giá trị *Eigenvalue* > 1 đại diện cho phân biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố sẽ được giữ lại trong mô hình phân tích. Tổng phương sai trích $\geq 50\%$ thì chứng tỏ mô hình EFA là phù hợp. Phép xoay *Varimax* được sử dụng để nhóm gộp các biến thành các nhân tố tác động nhiều nhất đến tính hấp dẫn của điểm DLTL. Các biến quan sát có hệ số tải nhân tố (*Factor Loading*) $\geq 0,5$ sẽ đảm bảo được mức ý nghĩa thống kê 1. Phương trình điểm số nhân tố cho từng trường hợp quan sát được thành lập dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố và giá trị *factor score* được tạo ra.

$$F_i = W_{i1}X_1 + W_{i2}X_2 + W_{i3}X_3 + W_{i4}X_4 + \dots + W_{ik}X_k \quad (2)$$

Trong đó: F_i : ước lượng trị số của nhân tố i , W_i : trọng số nhân tố i và k : số biến.

Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính: Các biến mới phản ánh tính hấp dẫn của điểm DLTL từ phép phân tích nhân tố tiếp tục được đưa vào mô hình phân tích hồi quy tuyến tính *Linear Regression* nhằm xem xét ảnh hưởng của tính hấp dẫn đến mức độ hài lòng của du khách đối với DLTL ở khu vực nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

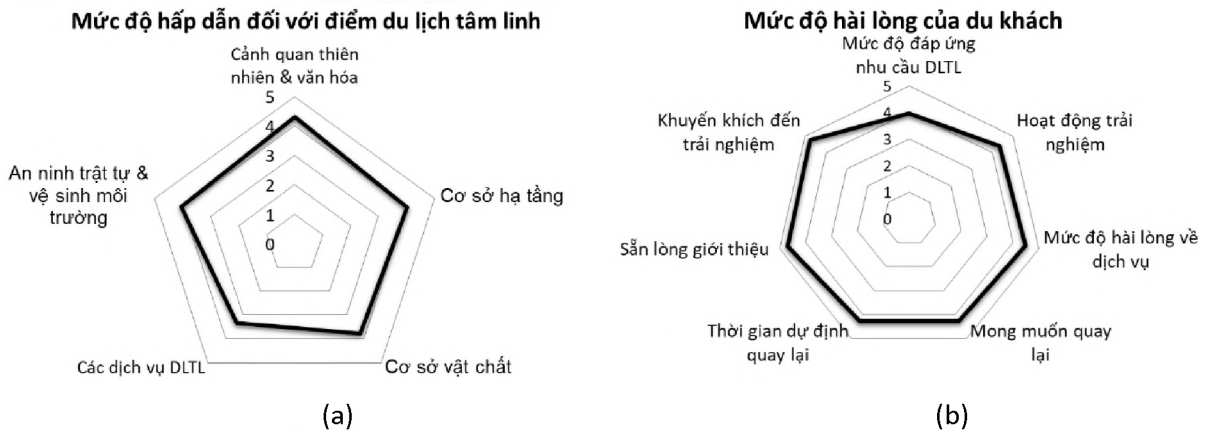
3.1. Thống kê mô tả chung đặc điểm du khách

Theo kết quả phỏng vấn 121 phiếu hợp lệ cho thấy, khách du lịch đến chùa/nhà thờ chủ yếu là nữ, chiếm 71,9%. Nguồn khách đến chùa, nhà thờ phần lớn từ thành phố Pleiku (52,9%) và các huyện, thị xã trong tỉnh Gia Lai (25,6%), du khách ngoại tỉnh chỉ chiếm 21,5%. Mục đích đến điểm DLTL

chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và đức tin tôn giáo (41,6%), tham quan, vãng cảnh (39,9%), còn lại các mục đích khác. Thông tin về điểm DLTL mà du khách nhận được chủ yếu là từ người thân và bạn bè (75,7%), từ các nguồn thông tin khác chiếm tỷ lệ nhỏ, bao gồm: Internet (15,8%), công ty du lịch (7,8%) và ấn phẩm du lịch (0,7%).

3.2. Đánh giá mức độ hấp dẫn và hài lòng của du khách đối với các điểm du lịch tâm linh

Kết quả đánh giá mức độ hấp dẫn của các điểm DLTL và mức độ hài lòng của du khách khi đến các điểm DLTL ở Pleiku được thể hiện qua sơ đồ radar ở hình 3.



Hình 3. Mức độ hấp dẫn (a) và hài lòng (b) của du khách đối với các điểm DLTL

Tính hấp dẫn của điểm DLTL được đánh giá theo từng yếu tố: (1) Cảnh quan thiên nhiên và văn hóa, (2) Cơ sở hạ tầng, (3) Cơ sở vật chất, (4) Các dịch vụ DLTL và (5) An ninh trật tự và vệ sinh môi trường; sau đó, tiến hành đánh giá tổng hợp mức độ hấp dẫn cho từng điểm DLTL (Hình 3.a). Kết quả xử lý số liệu điều tra cho thấy, trong 5 yếu tố đưa vào đánh giá thì yếu tố “Cảnh quan thiên và văn hóa” được đánh giá ở mức “Rất hấp dẫn” (4,31) và yếu tố “Các dịch vụ DLTL” được đánh giá ở mức “Bình thường” (3,35).

Mức độ hài lòng của du khách đối với các điểm DLTL được đánh giá qua 7 biến. Kết quả đánh giá cho thấy, du khách đều đánh giá ở mức hài lòng hoặc rất hài lòng khi đến DLTL ở Pleiku. Trong đó, biến “Khuyến khích đến trải nghiệm” được đánh giá cao nhất (4,77) và thấp nhất là biến “Mức độ đáp ứng nhu cầu DLTL” (3,96) (Hình 3.b). Mức độ hài lòng chung được đánh giá ở mức rất hài lòng (4,4).

3.3. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach’s Alpha

Kết quả kiểm định thang đo Cronbach’s Alpha cho thấy, từ 22 biến phản ánh tính hấp dẫn của điểm DLTL thì chỉ có 15 biến đo lường đảm bảo yêu cầu. Các biến HD6, HD9, HD10, HD11, HD12, HD13, và HD15 bị loại do không đảm bảo yêu cầu độ tin cậy thang đo. Đối với 7 biến phản ánh mức độ hài lòng của du khách thì chỉ có 6 biến thỏa mãn điều kiện đưa vào đánh giá tiếp theo (biến HL2 bị loại khỏi mô hình).

3.4. Phân tích các nhân tố hấp dẫn của điểm đến du lịch tâm linh

Từ 15 biến sau kiểm định thang đo Cronbach’s Alpha, tiến hành phân tích nhân tố qua 2 vòng đã loại thêm 3 biến không có ý nghĩa thống kê là HD7, HD8, HD20 ra khỏi mô hình do có hệ số tải nhân tố <0,5. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho kết quả KMO = 0,656; Sig. (Bartlett’s Test) = 0,000. Điều đó chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

Với 12 biến đầu vào, tiến hành phân tích tổ đã rút ra được 3 nhân tố có giá trị Eigenvalue > 1 sẽ đại diện cho phân biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố. Tổng phương sai trích cộng dồn của 3 nhân tố giải thích được 57,19% biến thiên của dữ liệu. Kết quả này hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu thống kê (≥ 50%) (Bảng 2).

Từ bảng 2 cho thấy, có 3 nhân tố ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của điểm DLTL ở thành phố Pleiku. Ở mỗi nhân tố, dựa trên điểm số để xác định được phương trình nhân tố:

+ Nhân tố 1 (X₁) chịu sự tác động của 6 biến đo lường được đặt tên là “Đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử và môi trường” với phương trình nhân tố: F₁ = 0,831 HD3 + 0,818 HD2 + 0,678 HD14 + 0,630 HD5 + 0,588 HD4 + 0,547 HD1. Trong đó, biến HD3 tác động mạnh nhất.

+ Nhân tố 2 (X₂) chịu sự tác động của 4 biến đo lường được đặt tên là “Đặc điểm dịch vụ DLTL” với phương trình nhân tố F₂ = 0,866 HD17 + 0,821 HD18 + 0,648 HD19 + 0,552 HD16. Trong đó, biến HD17 tác động mạnh nhất.

+ Nhân tố 3 (X₃) chịu sự tác động của 2 biến đo lường được đặt tên là “Quản lý hoạt động du lịch và vệ sinh môi trường” với phương trình nhân tố F₃ = 0,774 HD21 + 0,753 HD22.

Bảng 2. Ma trận nhân tố đã xoay

Biến	Nhân tố		
	1	2	3
Đặc điểm văn hóa, lịch sử (HD3)	0,831		
Kiến trúc (HD2)	0,818		
Sự đa dạng của hoạt động DLTL (HD14)	0,678		
Cảm giác yên bình của điểm đến (HD5)	0,630		
Chất lượng môi trường không khí (HD4)	0,588		
Cảnh quan thiên nhiên (HD1)	0,547		
Giá cả hàng hóa/ dịch vụ (HD17)		0,866	
Thái độ của người bán hàng (HD18)		0,821	
Ẩm thực (HD19)		0,648	
Sản phẩm lưu niệm (HD16)		0,552	
Quản lý hoạt động du lịch (HD21)			0,774
Quản lý vệ sinh môi trường (HD22)			0,753
Phần trăm của phương sai sau khi xoay (% Variance)	24,05	18,92	14,22
Giá trị Eigenvalue	3,11	2,27	1,48

3.5. Phân tích ảnh hưởng của tính hấp dẫn đến mức độ hài lòng của du khách

Từ kết quả phân tích nhân tố, mô hình tương quan hồi quy tuyến tính xem xét mối quan hệ giữa các nhân tố hấp dẫn với mức độ hài lòng của du khách đối với DLTL như sau:

$$Y = \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + e$$

Trong đó, biến X₁, X₂, X₃ là 3 nhân tố phản ánh tính hấp dẫn, ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách, e là sai số hồi quy, β₁, β₂, β₃ là hệ số góc của các biến tương ứng X₁, X₂, X₃.

Kết quả phân tích tương quan cho thấy biến Y có tương quan thuận với các biến X₁, X₂, X₃, trong đó tương quan tương đối chặt với biến X₁ (r=0,519), tương quan trung bình với X₃ (r=0,451). Mức ý nghĩa kiểm định mối tương quan của các biến X₁, X₃ đều có giá trị .Sig<0,05 nên đảm bảo ý nghĩa thống kê. Biến Y tương quan yếu với X₂ (r = -0,072) và giá trị .Sig= 0,217 >0,05, không đảm bảo ý nghĩa thống kê nên bị loại khỏi mô hình hồi quy.

Kết quả chạy hồi quy với Regression Linear theo phương pháp Enter cho thấy, mô hình với hệ số tương quan bội R= 0,628, giá trị R² hiệu chỉnh là 0,578, có nghĩa là thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình nghiên cứu 57,8%. Hệ số Durbin-Watson = 1,620 nằm trong khoảng 1 đến 3 nên không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra và chấp nhận giả thuyết không có sự tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình. Như vậy, mô hình hồi quy bội

thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định phù hợp cho việc rút ra các kết quả nghiên cứu. Kết quả phân tích phương sai ANOVA cho giá trị .Sig kiểm định $F = 0,00 < 0,05$. Như vậy, mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có sự khác biệt giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc.

Bảng 3. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF	
1	Hằng số	1,723	,308		5,603	,000		
	X ₁	,353	,058	,446	6,101	,000	,959	1,043
	X ₃	,268	,054	,361	4,934	,000	,959	1,043

Qua bảng 3 cho thấy, giá trị .Sig kiểm định t hệ số hồi quy của biến độc lập X₁, X₃ đều nhỏ hơn 0,05. Do đó, các biến độc lập này đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc. Hệ số VIF của các biến độc lập X₁, X₃ đều nhỏ hơn 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Các hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa của X₁, X₃ đều lớn hơn 0 đã chứng tỏ rằng, tất cả các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy đều có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng chung của du khách. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta, thứ tự mức độ tác động từ mạnh nhất tới yếu nhất của các biến độc lập tới biến phụ thuộc là: X₁ (0,446) > X₃ (0,361).

Mô hình hồi quy chuẩn hóa các yếu tố được thể hiện qua phương trình sau:

$$Y = 0,446 * X_1 + 0,361 * X_3$$

Trong đó, Y: *Mức độ hài lòng của du khách*; X₁ - *Đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử và môi trường*, X₃ - *Quản lý hoạt động du lịch và vệ sinh môi trường*.

Như vậy, nhân tố X₁ có hệ số Beta = 0,446 sẽ ảnh hưởng lớn nhất đến sự hài lòng của du khách và tiếp theo là nhân tố X₃ có hệ số 0,361. Từ mô hình giả định cho thấy, nhân tố X₂ không ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách. Điều này phản ánh đúng thực tế hoạt động DLTL ở khu vực nghiên cứu.

3.6. Đề xuất một số giải pháp cho phát triển du lịch tâm linh ở thành phố Pleiku

Căn cứ vào tình hình phát triển DLTL ở thành phố Pleiku và kết quả đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với vấn đề phát triển DLTL ở thành phố Pleiku cho thấy, cần có sự hợp tác tốt giữa các doanh nghiệp lữ hành và đại diện quản lý các điểm du lịch (chùa, nhà thờ...) trong việc khai thác tài nguyên DLTL tại các điểm du lịch cũng như tiến hành một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng DLTL thông qua việc nâng cao sự hài lòng của du khách để phục vụ cho việc phát triển DLTL của thành phố Pleiku như sau:

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch: Trùng tu, nâng cấp và bảo tồn các công trình nhà chùa, nhà thờ, các danh lam thắng cảnh theo hướng gìn giữ các giá trị cốt lõi vốn có để tạo ra sự hấp dẫn hơn nữa với du khách. Đầu tư xây dựng các hạng mục: Không gian trưng bày và giới thiệu, điểm dừng chân nghỉ ngơi, công trình vệ sinh... tại các điểm DLTL. Việc xây dựng phải được lập kế hoạch cụ thể, hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan gốc, trồng thêm cây xanh, nâng cấp hệ thống bảng chỉ dẫn, hệ thống đèn điện, nhà vệ sinh...

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch tâm linh: Nhà chùa, nhà thờ cần giới thiệu những giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc, đặc điểm ngôi chùa/nhà thờ cho khách du lịch. Cần đặt thêm các bảng thông tin thuyết minh điện tử về các đối tượng thăm quan và các điểm DLTL cần có thuyết minh viên, phát hành các ấn phẩm hướng dẫn thông tin phát cho du khách thăm quan, tăng cường xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu qua website, mạng xã hội... Kết hợp du lịch với trải nghiệm cuộc sống của những người tu hành sẽ mang đến những điểm mới lạ và thu hút được du khách.

Quản lý môi trường du lịch tâm linh: Tại các điểm du lịch cần xây dựng các khu vực tập trung rác thải của cả điểm du lịch, rác thải được thu gom đúng vị trí quy định, có hệ thống thu gom rác thải lẻ. Vấn đề đảm bảo an ninh cho du khách cần được đặt lên hàng đầu; lắp đặt thêm hệ thống camera giám sát an ninh ở các khu vực dịch vụ và tham quan.

Tăng cường đào tạo nguồn lực du lịch: Sử dụng hợp lý và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ người lao động có kinh nghiệm hiện tại. Đào tạo nhân lực tại chỗ thông qua các trung tâm đào tạo, giáo dục ở địa phương. Các chương trình giáo dục, tuyên truyền đặc biệt cho quần chúng địa phương hiểu về DLTĐ bền vững.

Phối hợp liên ngành và quảng bá du lịch tâm linh: Thường xuyên trao đổi các tài liệu tuyên truyền giới thiệu về các điểm du lịch. Đầu tư xây dựng các khu, điểm du lịch mới. Liên kết các điểm di tích, địa điểm DLTĐ khác trên địa bàn cũng như ngoại tỉnh để xây dựng một chương trình du lịch chuyên đề hoặc có sự kết hợp giữa các di tích này với các điểm tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng khác trên địa bàn Tỉnh.

4. KẾT LUẬN

Du lịch tâm linh là loại hình du lịch có triển vọng phát triển ở điểm đến nhiều tiềm năng như thành phố Pleiku. Kết quả nghiên cứu ở 7 điểm có khả năng phát triển DLTĐ cho thấy, qua phân tích nhân tố từ 22 biến đầu vào thuộc 5 yếu tố phản ánh tính hấp dẫn của điểm DLTĐ đã trích xuất được 3 nhân tố phản ánh tính hấp dẫn: Đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử và môi trường (X_1), Đặc điểm dịch vụ DLTĐ (X_2) và Quản lý hoạt động du lịch và vệ sinh môi trường (X_3). Sau khi tiến hành phân tích, kiểm định thống kê đã xây dựng được phương trình quan hệ giữa nhân tố phản ánh tính hấp dẫn của điểm DLTĐ với sự hài lòng của du khách có dạng: $Y = 0,446 * X_1 + 0,361 * X_3$. Trong đó, nhân tố X_1 ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách lớn hơn nhân tố X_3 . Kết quả này là cơ sở quan trọng cho đề xuất các giải pháp phát triển loại hình DLTĐ ở địa phương. Trong đó, cần tiếp tục cải thiện cảnh quan thiên nhiên và văn hóa (X_1), chú trọng tạo ra sự đa dạng của hoạt động dịch vụ phát triển DLTĐ (X_2) cũng như quản lý tốt các hoạt động DLTĐ và vệ sinh môi trường (X_3). Ngoài ra, cần tăng cường sự hợp tác tốt giữa các doanh nghiệp lữ hành và nhà chùa, nhà thờ trong việc khai thác tài nguyên DLTĐ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch và mở rộng quảng bá DLTĐ theo nhiều hình thức khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hair J. F. et al. (2010), *Multivariate Data Analysis*, Pearson, Harlow.
- Kozak M. (2001), "Repeaters' behavior at two distinct destinations", *Annals of Tourism Research*, 28 (3), pp.784-807.
- Nguyễn Trọng Nhân và Cao Mỹ Khánh (2014), "Đánh giá của du khách đối với những điều kiện phát triển du lịch văn hóa tâm linh tỉnh An Giang", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 32, tr. 121-128.
- Hà Thái (2019), Du lịch tâm linh ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng phát triển, <http://itdr.org.vn/du-lich-tam-linh-o-viet-nam-thuc-trang-va-dinh-huong-phat-trien/>, Ngày truy cập: 15/5/2019.
- Thân Trọng Thụy và Lê Anh Tuấn (2018), "Ảnh hưởng của tính hấp dẫn điểm đến tới sự hài lòng và ý định quay lại các điểm đến du lịch tâm linh tại Việt Nam", *Kinh tế & Phát triển*, Số 252, tr.90-100.
- Tribe J., Snaith T. (1998), "From SERVQUAL to HOLSAT: Holiday satisfaction in Varadero, Cuba" *Tourism Management*, Vol 19 (1), pp.25-34.
- UBND tỉnh Gia Lai (2016), *Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*, Gia Lai.
- Phạm Thị Mai Yên, Phạm Thị Minh Khuyên (2017), "Sự hài lòng với sản phẩm du lịch tại khu du lịch Hồ Núi Cốc", *Kinh tế và phát triển*, Số 246, tr.90-100.